TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 561/2017/DS-ST
Ngày: 31-10-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Nhu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Bà Nguyễn Thị Lương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Đài Trang, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Vân, Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 10 năm 2017 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2017/TLST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2017/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 382/2017/QĐST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S; trụ sở: Lầu 8, 266 - 268 Đường N, Phường X, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Ngọc K, năm sinh 1987; địa chỉ: 118/9 Đường T, Phường W, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

(Theo giấy ủy quyền số 558/2017/UQ-TTT ngày 07 tháng 6 năm 2017).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hương G, năm sinh 1982; địa chỉ cư trú: 2Q Đường M, Phường O, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S trình bày: Ngày 29 tháng 01 năm 2016 bà Nguyễn Thị Hương G ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà G, Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà G đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 16.500.000 đồng và trong quá trình sử dụng thẻ, bà G đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 2.638.168 đồng bao gồm cả nợ gốc và lãi rồi không đóng nữa. Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã đôn đốc, nhắc nhở nhưng bà G vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà G vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, tính đến ngày 31 tháng 10 năm 2017 bà G còn thiếu của Ngân hàng Thương mại cổ phần S tiền nợ gốc 17.733.817 đồng và tiền lãi lãi 8.121.264 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi 25.855.081 đồng. Đồng thời tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2017 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại phù hợp với toàn bộ dư nợ theo quy định tại Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ ngày 21 tháng 9 năm 2015.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hương G vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà G.

Tại phiên tòa, ông Lê Ngọc K người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại cổ phần S có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Hương G thanh toán tiền thẻ tín dụng còn thiếu tính đến ngày 31 tháng 10 năm 2017 là 25.855.081 đồng, trong đó tiền nợ gốc: 17.733.817 đồng; tiền lãi: 8.121.264 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2017 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại phù hợp với toàn bộ dư nợ theo quy định tại Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ ngày 21 tháng 9 năm 2015.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hương G vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét, Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu bà Nguyễn Thị Hương G thanh toán số tiền đã vay còn thiếu. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản phù hợp tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015.

[2] Về thẩm quyền: Xét, bà Nguyễn Thị Hương G có địa chỉ cư trú tại 2Q Đường M, Phường O, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015. Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện bà Nguyễn Thị Hương G tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị Hương G đến Tòa án để làm việc, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà G vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà G.

Xét, yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần S buộc bà Nguyễn Thị Hương G thanh toán ngay số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh ngày 31 tháng 10 năm 2017 ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[4] Căn cứ, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 07 tháng 01 năm 2016, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thì giữa bà Nguyễn Thị Hương G và Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã giao kết hợp đồng vay tài sản dưới hình thức sử dụng dịch vụ thanh toán tự động trừ thẻ tín dụng. Theo lời khai của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại cổ phần S cùng các chứng cứ có trong hồ sơ thì bà Nguyễn Thị Hương G còn thiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần S tiền nợ gốc 17.733.817 đồng.

[5] Bà Nguyễn Thị Hương G đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S nhưng bà G không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện và số tiền còn thiếu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ xác định bà Nguyễn Thị Hương G còn thiều Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc 17.733.817 đồng.

[6] Do bà Nguyễn Thị Hương G không thanh toán nợ gốc nên theo Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ của Ngân hàng Thương mại cổ phần S và thông báo chuyển nợ quá hạn nên bà Nguyễn Thị Hương G phải chịu tiền lãi quá hạn trên dư nợ 17.733.817 đồng, tính đến ngày 31 tháng 10 năm 2017 lãi quá hạn 8.121.264 đồng.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 357, Điều 463 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần S buộc bà Nguyễn Thị Hương G thanh toán tiền nợ gốc: 17.733.817 đồng và tiền lãi: 8.121.264 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi 25.855.081 đồng là có căn cứ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Hương G chậm trả tiền thì bà G phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S tính từ ngày 31 tháng 10 năm 2017 đến khi thi hành xong.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hương G phải chịu 1.292.754 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần S được hoàn lại 546.291 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc bà Nguyễn Thị Hương G có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền vay còn thiếu gồm nợ gốc 17.733.817 đồng (mười bảy triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn tám trăm mười bảy đồng) và tiền lãi: 8.121.264 đồng (tám triệu một trăm hai mươi mốt nghìn hai trăm sáu mươi bốn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi: 25.855.081 đồng (hai mươi lăm triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn không trăm tám mươi mốt đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Hương G chậm trả tiền thì bà G phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần S tính từ ngày 31 tháng 10 năm 2017 đến khi thi hành xong.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hương G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.292.754 đồng (một triệu hai trăm chín mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi bốn đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần S được hoàn lại 546.291 đồng (năm trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm chín mươi mốt đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006411 ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Ngân hàng Thương mại cổ phần S và bà Nguyễn Thị Hương G được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Tuấn Nhu